TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2021
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Tư.
2. Ông Cao Văn Đại.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16 ngày 28/8/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1998

HKTT: Xóm 6, thôn A, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương

Hiện ở: Xóm 3, thôn AL, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương

2. Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1998

Địa chỉ: Xóm 6, thôn A, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương

3. Người làm chứng:

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm 3, thôn AL, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Ông Trần Văn H, sinh năm 1967

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1993

Đều có địa chỉ: Xóm 6, thôn A, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa, chị L, anh L và những người làm chứng đều vắng mặt và trước đó đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Chị L và anh L kết hôn ngày 19/2/2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống và làm kinh tế; ngoài ra còn do anh L mải chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, từ đó mà vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ tháng 4/2021, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên chị khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Quỳnh Nh, sinh ngày 10/4/2020. Hiện nay cháu Nh đang ở với chị cùng với ông bà ngoại. Khi ly hôn do con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nên chị xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân, thu nhập trung bình một tháng là 8 triệu đồng.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh Trần Văn L trình bày về việc đăng ký kết hôn như nguyên đơn đã trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi chửi nhau. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ nhiều tháng nay. Gia đình anh đã khuyên giải, vận động chị L về đoàn tụ nhưng chị L vẫn không chịu về. Đến nay chị L kiên quyết xin ly hôn nên anh cũng nhất trí ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung, tên tuổi như chị L trình bày. Chị L xin nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh nhất trí.

Về tài sản, công sức nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Lời khai của người làm chứng là bà Phạm Thị L (mẹ đẻ chị L), ông Trần Văn H, bà Trần Thị H, cũng như kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị L, anh L có nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và làm kinh tế. Chị L đã tự ý bỏ về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ nhiều tháng nay. Vợ chồng anh L, chị L khó có khả năng đoàn tụ. Ngoài ra, bà L là mẹ đẻ chị L còn đề nghị Tòa án giao con cho chị L nuôi dưỡng vì cháu Nh còn quá nhỏ, gia đình bà sẽ hỗ trợ chị L chăm sóc cháu Nh tốt nhất.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đồng thời các đương sự đều vắng mặt tại phiên họp hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Về quan hệ hôn nhân, xử chị L và anh L ly hôn. Về con chung: Giao con chung là Trần Quỳnh Nh, sinh ngày 10/4/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh L có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh L, chị L đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống và làm kinh tế, dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Thực tế, vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều tháng nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xin ly hôn, anh L đồng ý ly hôn. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị L ly hôn anh L là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị L, anh L có 01 con chung là Trần Quỳnh Nh, sinh ngày 10/4/2020. Nay chị L xin nuôi con, anh L nhất trí giao con cho chị L nuôi dưỡng. Xét chị L có việc làm và thu nhập ổn định, ngoài ra cháu Nh hiện dưới 36 tháng tuổi nên về nguyên tắc được giao cho mẹ nuôi

dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy cần giao con cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như phù hợp với ý chí của các bên đương sự. Chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của đương sự, cần được chấp nhận.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Quỳnh Nh, sinh ngày 10/4/2020 cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận tự nguyện của chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0003806 ngày 29/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị L đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận**:*
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã K, Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung